

**GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE CƠ GIỚI NHẬP KHẨU**

(Certificate of conformity from inspection of technical safety quality and environmental protection for imported motor vehicle)

Tình trạng phương tiện (Vehicle's status): Chưa qua sử dụng

Người nhập khẩu (Importer): CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI ĐĂNG KHOA

Địa chỉ (Address): Số nhà 058, đường Mạc Đĩnh Chi, phường Lào Cai, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

Loại phương tiện (Vehicle's type): Sơ mi rơ moóc tải chở container

Nhãn hiệu (Trade mark): CISK

Mã kiểu loại (Model code): ---

Tên thương mại (Commercial name): TGT9402TPB

Số khung (Chassis Nº): LA9961BC1N0TGT003

Số động cơ (Engine Nº):

Nước sản xuất (Production country): CHINA

Năm sản xuất (Production year): 2022

Số tờ khai hàng hóa nhập khẩu/ngày (Customs declaration Nº/date): 104493148103 / 21/01/2022

Số biên bản kiểm tra (Inspection record Nº): 000312/22OT-054/005

Thời gian/Địa điểm kiểm tra (Inspection date/site): 12/04/2022 / Thành phố Hà Nội

Số đăng ký kiểm tra (Registered Nº for inspection): 000312/22OT

**THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN
(Major technical specification)**

Khối lượng bản thân (Kerb mass):	8000	kg
Khối lượng hàng chuyên chở TK lớn nhất/cho phép lớn nhất (Max. cargo pay mass: Designed/Authorized):	32000/30800	kg
Khối lượng toàn bộ TK lớn nhất/cho phép lớn nhất (Max. total mass: Designed/Authorized):	40000/38800	kg
Khối lượng toàn bộ cho phép tham gia giao thông phân bổ lên chốt kéo (Authorized Total mass on kingpin):	14800	mm
Kích thước bao : Dài x Rộng x Cao (Overall dimensions: L x W x H):	14080 x 2500 x 1550	mm
Công thức bánh xe (Drive configuration):	6 x 0	mm
Khoảng cách trục (Wheel space):	8400 + 1310 + 1310	mm
Vết bánh xe trước (Front track):	Vết bánh xe sau (Rear track): 1840	

Lốp xe (Tyres):
- Trục 1 (Axle 1st):
- Trục 2 (Axle 2nd): 04 Lốp; 12.00R20
- Trục 3 (Axle 3rd): 04 Lốp; 12.00R20
- Trục 4 (Axle 4th): 04 Lốp; 12.00R20

Thiết bị đặc trưng (Special equipment): Cơ cấu chốt khóa Container

Xe cơ giới đã được kiểm tra và đạt yêu cầu theo Thông tư số 31/2011/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2011 và Thông tư số 55/2014/TT-BGTVT ngày 20/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

This motor vehicle has been inspected and satisfied with requirements of the Circular Nº 31/2011/TT-BGTVT to be issued on April 15th, 2011 and Circular Nº 55/2014/TT-BGTVT to be issued on October 20th, 2014 by Minister of Ministry of Transport.

(Date) Hà Nội, ngày 14 tháng 04 năm 2022

**Cơ quan kiểm tra
(Inspection body)**

TL. CỤC TRƯỞNG

QUYỀN TRƯỞNG PHÒNG CHẤT LƯỢNG XE CƠ GIỚI

Ghi chú (Remarks): - Các giá trị khối lượng nêu trên được ghi nhận khi xe chở 1 container loại 45 feet.

- Khi sử dụng để chở 01 container loại 40 feet hoặc 02 container loại 20 đồng thời thì khối lượng hàng chuyên chở cho phép lớn nhất là 29050 (kg) (không chở được container ở trạng thái khối lượng toàn bộ lớn nhất 30480 kg (theo ISO 668)), khối lượng toàn bộ cho phép lớn nhất là 37050 (kg), khối lượng toàn bộ cho phép lớn nhất phân bổ lên chốt kéo 16350 (kg).



Ký bởi: Cục Đăng Kiểm Việt Nam
Email: vr@vr.org.vn
Cơ quan: Bộ Giao thông vận tải
Thời gian: 14/04/2022 08:01:55

Trần Hoàng Phong

(Signature)

Ký bởi: Trần Hoàng Phong
Email: phong.tranhoang.vr@mt.gov.vn
Cơ quan: Cục Đăng Kiểm Việt Nam, Bộ Giao thông vận tải
Thời gian: 14/04/2022 08:01:51